

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021 /HS-ST

Ngày: 23/7/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Đức Lâm

2. Ông Nguyễn Xuân T

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2021/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn T – sinh năm 2000

NĐKNKTT và chỗ ở: thôn Nghĩa Tiến, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Tám (Đã chết) và con bà Đỗ Thị Nhung – sinh năm 1974; Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt quả tang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

***Bị hại:**

Chị K'Minh T – sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố Sre Nhắc, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Chị K'Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đỗ Thị Nhung – sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Nghĩa Tiến, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

*** Người làm chứng:**

Anh Lê Văn Dung – sinh năm 1999 (Vắng mặt)
Địa chỉ: thôn Vụ Bản, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bản Cáo Trạng số: 51/CT – VKS – HH ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Đầu năm 2020, thông qua mạng xã hội, Phạm Văn T - sinh năm 2000 trú tại thôn Nghĩa Tiến, xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; sử dụng tài khoản Facebook “T Rambo” kết bạn với tài khoản Facebook “Minh T” của chị K’Minh T – sinh năm 1995; trú tại: tổ dân phố Sre Nhắc, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó, T chủ động nhắn tin trò chuyện với chị T nên chị T nảy sinh tình cảm với T. Quá trình quen biết, do chị K’Minh T ở xa nên hai người thường xuyên gọi Video nói chuyện với nhau. Trong một lần hai bên gọi video, lúc này chị K’Minh T đang tắm, T đã dùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S của mình lưu lại hình ảnh video cảnh chị K’Minh T tắm với mục đích theo T khai để khi nào thích sẽ bỏ ra xem. Đến khoảng tháng 9/2020, chị K’Minh T phát hiện T có bạn gái nên chấm dứt quan hệ tình cảm, không liên lạc với T nữa.

Ngày 15/3/2021, do không có tiền trả nợ, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị K’Minh T nên đã gửi hình ảnh chị K’Minh T đang tắm qua tin nhắn Facebook cho riêng chị K’Minh T đồng thời nhắn tin yêu cầu chị K’Minh T phải chuyển cho T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vào số tài khoản 0351001166740 của T thuộc ngân hàng Vietcombank đồng thời đe dọa nếu chị K’Minh T không thực hiện, T sẽ công khai đoạn video này lên mạng xã hội và gửi cho người thân của chị K’Minh T biết. T đã nhiều lần nhắn tin từ tài khoản Facebook “T Rambo” vào tài khoản Facebook “Minh T” và từ số điện thoại 0398618714 của T vào số điện thoại 0346062060 của chị K’Minh T với nội dung ép buộc chị K’Minh T phải đưa tiền cho T. Do sợ T thực hiện lời đe dọa nên chị K’Minh T xin T giảm số tiền xuống 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và hẹn ngày 20/3/2021, chị K’Minh T sẽ đến huyện Hiệp Hòa để gặp T và đưa tiền T đã đồng ý.

Ngày 20/3/2021, chị K’Minh T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa tố cáo hành vi phạm tội của Phạm Văn T. Sau đó, đến gặp T như đã hẹn. Khi chị K’Minh T đang trên đường đến thì T đã liên tục nhắn tin gọi điện giục chị K’Minh T nên chị K’Minh T đã chuyển trước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) vào số tài khoản của T thuộc ngân hàng Vietcombank chi nhánh huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi nhận được tiền và được chị K’Minh T thông báo đã đến thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa; T thuê xe taxi của anh Lê Văn Dung, sinh năm 1999; trú tại: thôn Vụ Bản, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa đưa đến điểm hẹn khu vực cổng ngân hàng Agribank huyện Hiệp Hòa thuộc tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa để gặp chị K’Minh T. Tại đây, chị K’Minh T đưa cho T số tiền 18 triệu

đồng còn T đưa cho chị K'Minh T chiếc điện thoại di động IPHONE 5S để chị K'Minh T xóa đoạn video, hình ảnh liên quan đến chị K'Minh T mà T lưu trong đó. Khi T cầm tiền đút vào túi quần đang mặc thì bị Công an huyện Hiệp Hòa bắt quả tang và thu giữ của T số tiền là 18.350.000đ; 01 điện thoại di động IPHONE 5S, số Imei: 352034061634559 và 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen lắp sim số 0398618714.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã kiểm tra điện thoại thu giữ của T khi bắt quả tang và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S8+ của chị K'Minh T giao nộp để phục vụ điều tra. Kết quả có nhiều nội dung tin nhắn, hình ảnh T đe dọa, uy hiếp và yêu cầu chị K'Minh T phải đưa tiền cho T.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Số tiền 2.000.000đ mà chị K'Minh T chuyển trước vào số tài khoản 0351001166740 của T tại ngân hàng Vietcombank thì T đã chuyển khoản trả tiền taxi cho anh Lê Văn Dung (Lái xe chở T đi gặp chị K'Minh T) số tiền là 500.000đ T chuyển vào tài khoản của anh Dung có số là: 101872761518 thuộc ngân hàng Viettinbank để lấy tiền mặt T đã trả cho anh Dung 150.000đ tiền thuê taxi còn lại 350.000đ. Ngoài ra, T còn thực hiện chuyển khoản số tiền 200.000đ để mua thẻ điện thoại. Ngày 26/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã ra lệnh phong tỏa tài khoản trên của T.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Phạm Văn T từ 20 đến 24 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 21/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 30 BLTTHS; Điều 589; Điều 592 Bộ luật dân sự: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo T về việc tự nguyện bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho chị K'Minh T là hai tháng lương tối thiểu với số tiền là: 2.980.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Tịch thu sung công 02 chiếc điện thoại gồm: 01(Một) điện thoại Iphone 5S màu gold có số IMEI: 352034061634559 và 01(Một) điện thoại di động Nokia 1280 màu đen có số seri: 351949053293901.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản số: 0351001166740 tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh số tiền là: 1.650.745đ (Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi năm đồng) của Phạm Văn T.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi của các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 51/CT – VKSHH ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội không oan.

[3]. Ngày 20/3/2021, bị cáo Phạm Văn T đã bị bắt quả tang khi có hành vi nhận số tiền 18.000.000đ của chị K'Minh T tại cổng ngân hàng Agribank huyện Hiệp Hòa thuộc tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa. Việc chị K'Minh T giao số tiền 18.000.000đ cho T là do trước đó T đã có hành vi đe dọa phát tán các hình ảnh cá nhân của chị K'Minh T đang tắm mà T đã quay được mục đích để chị K'Minh T đưa cho T số tiền 20.000.000đ. Hành vi của bị cáo T đủ cơ sở để kết luận T đã đe dọa để cưỡng đoạt tài sản của chị K'Minh T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp đe dọa đến đời sống tinh thần của chị K'Minh T gây hoang mang cho xã hội trong việc bảo vệ đời sống cá nhân. HĐXX xét thấy cần xử lý bị cáo bằng một hình phạt thích đáng để răn đe giáo dục bị cáo mới có tác dụng và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, khi quyết định một Bản án chính thức cho bị cáo Phạm Văn T cần xem xét, đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với bị cáo như sau:

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo cũng đã tác động mẹ ruột là bà Đỗ Thị Nhung bồi thường cho chị K'Minh T số tiền 2.000.000đ. Vì thế, cần áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là có căn cứ. Ngoài ra, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo là có căn cứ.

Đối với anh Lê Văn Dung là tài xế lái xe taxi được T thuê và trên đường T có nhờ anh Dung cho T chuyển vào tài khoản của anh Dung để lấy tiền mặt là 500.000đ thì anh Dung không biết số tiền đó là số tiền T đã chiếm đoạt của chị K'Minh T mà có nên đã đồng ý cho T chuyển để lấy tiền mặt. Vì thế, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa không xem xét, xử lý đối với anh Dung là có căn cứ.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị K'Minh T vắng mặt do tình hình dịch bệnh Covid – 19 tại các tỉnh phía Nam nên chị không thể có mặt tại phiên tòa được mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Trong hồ sơ của Cơ quan điều tra cũng như tại Bản Cáo Trạng của Viện kiểm sát chị K'Minh T có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị 20.000.000đ. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ HĐXX xét thấy chị K'Minh T có khai không cung cấp được các chi phí cho việc đi lại tốn kém để thu hồi đoạn video của T. Hơn nữa hóa đơn điều trị của chị T cũng không ghi cụ thể tiền thuốc và thời gian nhập viện của chị T là vào ngày 27/4/2021 và ra viện ngày 29/4/2021 là sau ngày xảy ra sự việc hơn một tháng thì không có căn cứ xác định do hành vi đe dọa của bị cáo T gây nên nhưng tại phiên tòa bị cáo T đề nghị HĐXX cho bị cáo được tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho chị K'Minh T là hai tháng lương tối thiểu với số tiền là: 2.980.000đ. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo T nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận để có lợi cho chị K'Minh T là có căn cứ. Tại phiên tòa bị cáo xác nhận có biết việc mẹ bị cáo là bà Đỗ Thị Nhung đã bồi thường cho chị K'Minh T số tiền: 2.000.000đ và cũng biết Cơ quan điều tra cũng đã trả toàn bộ số tiền thu giữ trên người bị cáo là 18.350.000đ cho chị K'Minh T, tổng số tiền chị K'Minh T nhận được là 20.350.000đ. Mặc dù bị cáo chỉ nhận số tiền của chị K'Minh T là 20.000.000đ nhưng bị cáo cũng tự nguyện không yêu cầu HĐXX trừ số tiền 350.000đ mà chị K'Minh T đã nhận thừa vào số tiền bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị K'Minh T. HĐXX xác định đây là sự tự nguyện của bị cáo T nên HĐXX không xem xét tại vụ án này là có căn cứ.

Đối với số tiền 2.000.000đ bà Đỗ Thị Nhung đã trả lại cho chị K'Minh T thì trong các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bà Nhung không đề nghị HĐXX buộc bị cáo T phải trả lại cho bà. HĐXX xác định đây là sự tự nguyện của bà Nhung nên HĐXX không xem xét trách nhiệm của T là có căn cứ.

[5] Về vật chứng: Khi bị bắt quả tang Phạm Văn T đã bị thu giữ 02 điện thoại di động gồm: 01(Một) điện thoại Iphone 5S màu gold có số IMEI: 352034061634559 và 01(Một) điện thoại di động Nokia 1280 màu đen có số sêri: 351949053293901. HĐXX xét thấy, hai chiếc điện thoại là phương tiện phạm tội vì bị cáo đã lưu giữ hình ảnh của chị K'Minh T trong chiếc điện thoại IPHONE 5S và cùng với chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen bị cáo nhắn tin gọi điện đe dọa chị K'Minh T. Vì thế, cần tịch thu và sung công quỹ hai chiếc điện thoại trên là có căn cứ.

Đối với việc Cơ quan Công an đã tiến hành phong tỏa tài khoản của bị cáo T thì tại phiên tòa HĐXX xét thấy tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị K'Minh T. Vì thế, HĐXX xét thấy cần hủy bỏ lệnh

phong tỏa tài khoản đối với tài khoản số: 0351001166740 tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh số tiền là: 1.650.745đ (Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi năm đồng) của Phạm Văn T là có căn cứ.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23; Điều 26 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 170 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Phạm Văn T 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/3/2021.

*Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 30 BLTTHS; Điều 589; Điều 592 Bộ luật dân sự: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo T về việc bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho chị K'Minh T số tiền: 2.980.000đ.

*Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Tịch thu sung công 02 chiếc điện thoại gồm: 01(Một) điện thoại Iphone 5S màu gold có số IMEI: 352034061634559 và 01(Một) điện thoại di động Nokia 1280 màu đen có số seri: 351949053293901.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản số: 0351001166740 tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh số tiền là: 1.650.745đ (Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi năm đồng) của Phạm Văn T.

*Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333, 334 BLTTHS 2015, điểm a, khoản 1 Điều 23 ; Điều 26 NQ 326 của UBTVQH tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí DSST.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị Hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan điều tra Hiệp Hòa;
- Cơ quan THA hình sự Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hương Lan

